

Số: 08/2019/QĐST-HNGĐ

An Lão, ngày 05 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Phạm Hồng T, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A', thành phố Hải Phòng và chị Nguyễn Thị V, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A', thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V có hai con chung là Phạm Thế N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2010. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị V trực tiếp nuôi cả hai con Phạm Thế N và Phạm Nguyễn Ngọc T, anh T cấp dưỡng nuôi con Phạm Thế N 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) và con Phạm Nguyễn Ngọc T 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83

Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V thỏa thuận anh Thái nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị V nuôi dưỡng hai con Phạm Thế N, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2004 và Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2010, anh Phạm Hồng T cấp dưỡng nuôi con Phạm Thế N 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) và con Phạm Nguyễn Ngọc T 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Phạm Hồng T và chị Nguyễn Thị V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Hồng T nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Số tiền này anh Thái đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017030 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Hồng T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã A, huyện A';
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhạn

